|  |
| --- |
| **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020-2021**  **MÔN: ĐỊA LÍ, LỚP 12**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**Câu 1: Chất lượng nguồn lao động của nước ta được nâng lên nhờ**

**A.** việc tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.

**B.** tăng cường giáo dục hướng nghiệp, đa dạng các loại hình đào tạo.

**C.** những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

**D.** việc đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

**Câu 2: Cho biểu đồ:**



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 - 2014

Căn cứ vào biểu đồ, nhận xét nào dưới đây ***đúng*** về tình hình SX lúa của nước ta trong giai đoạn 1990 - 2014?

**A.** Năng suất lúa cả năm tăng - giảm thất thường.

**B.** Diện tích lúa cả năm ở nước ta có xu hướng tăng liên tục.

**C.** Sản lượng lúa cả năm của nước ta tăng trưởng bấp bênh.

**D.** Diện tích lúa tăng chậm, năng suất và sản lượng lúa tăng nhanh.

**Câu 3: Nguyên nhân chính dẫn đến *giảm* tỉ lệ gia tăng dân số nước ta hiện nay là**

**A.** kết quả của kế hoạch hoá gia đình. **B.** kinh tế ngày càng phát triển.

**C.** mức sống ngày càng được cải thiện. **D.** công tác y tế có nhiều tiến bộ.

**Câu 4: Ý nào sau đây *không* đúng với ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta?**

**A.** Đem lại hiệu quả kinh tế cao. **B.** Có thế mạnh lâu dài.

**C.** Thúc đẩy các ngành khác phát triển. **D.** Có nguồn lao động dồi dào.

**Câu 5: Tác động *lớn nhất* của quá trình đô thị hóa đến nền kinh tế nước ta là**

**A.** giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị. **B.** tăng nhanh thu nhập cho người dân.

**C.** tạo ra thị trường có sức cạnh tranh lớn. **D.** đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 6: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 16, dân tộc nào ở nước ta có số dân đông thứ 2 sau dân tộc Kinh?**

**A.** Khơ - me. **B.** Thái. **C.** Mường. **D.** Tày.

**Câu 7: Yếu tố tự nhiên nào sau đây ảnh hưởng *nhiều nhất* tới hoạt động khai thác thuỷ sản ở nước ta?**

**A.** Thuỷ triều đỏ và gió mùa Tây Nam. **B.** Bão và gió mùa Đông Bắc.

**C.** Sạt lở bờ biển và thuỷ triều. **D.** Động đất và sương mù ngoài biển.

**Câu 8: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, xác định 2 trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng là**

**A.** Hà Nội, Hải Phòng. **B.** Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

**C.** Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. **D.** Hải Phòng, TP. Hồ Chi Minh.

**Câu 9: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào dưới đây có quy mô dân số ( 2007) dưới 500 nghìn dân?**

**A.** Hạ Long. **B.** Cần Thơ. **C.** Biên Hòa. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 10: Đô thị nào sau đây là đô thị trực thuộc tỉnh ở nước ta?**

**A.** Vinh. **B.** Cần Thơ. **C.** Đà Nẵng. **D.** Hải Phòng.

**Câu 11: Dân cư phân bố không đều gây ra khó khăn chủ yếu cho ?**

**A.** sử dụng lao động và khai thác tài nguyên. **B.** ổn định an ninh trật tự xã hội.

**C.** phát triển các ngành dịch vụ. **D.** nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 12: Ý nào *không* đúng với phân bố dân cư ở nước ta?**

**A.** Số dân thành thị nhiều hơn số dân nông thôn. **B.** Dân số thành thị có xu hướng tăng.

**C.** Tập trung đông đúc ở vùng đồng bằng. **D.** Thưa thớt ở miền núi và cao nguyên.

**Câu 13: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết vùng nào có diện tích và sản lượng lúa lớn nhất cả nước?**

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 14: Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP ở nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng**

**A.** giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, khu vực III có tỉ trọng khá cao nhưng chưa ổn định.

**B.** tăng nhanh tỉ trọng khu vực III và khu vực I, tỉ trọng khu vực II khá cao nhưng chưa ổn định.

**C.** giảm tỉ trọng khu vực II, tăng tỉ trọng khu vực I và khu vực III.

**D.** tăng tỉ trọng của khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và khu vực III.

**Câu 15: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết những thành phố nào có qui mô dân số trên 1000 000 người?**

**A.** Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng. **B.** Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

**C.** Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh. **D.** Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

**Câu 16: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp, ngành nào chiếm tỉ trọng lớn nhất và có xu hướng giảm?**

**A.** trồng trọt. **B.** dịch vụ nông nghiệp.

**C.** lương thực. **D.** chăn nuôi.

**Câu 17: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành nước ta chuyển dịch theo hướng nào từ năm 2000 - 2007?**

**A.** giảm tỉ trọng CN khai thác và CN chế biến, tăng tỉ trọng CN sản xuất phân phối điện, khí, nước.

**B.** giảm tỉ trọng CN khai thác và CN sản xuất phân phối điện, khí, nước; tăng tỉ trọng CN chế biến.

**C.** tăng tỉ trọng CN khai thác, giảm tỉ trọng CN chế biến và CN sản xuất phân phối điện, khí, nước.

**D.** giảm tỉ trọng CN khai thác, tăng tỉ trọng CN chế biến và CN sản xuất phân phối điện, khí, nước.

**Câu 18: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất là**

**A.** Bà Rịa - Vũng Tàu. **B.** Đồng Tháp.

**C.** Kiên Giang. **D.** An Giang.

**Câu 19: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây trồng chè nhiều nhất nước ta?**

**A.** Nam Trung Bộ. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 20: Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 18, hãy cho biết cây cà phê được trồng chủ yếu ở những vùng nào sau đây?**

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ.

**B.** Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

**D.** Trung du miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.

**Câu 21: Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế đang có sự thay đổi theo xu hướng**

**A.** giảm tỉ trọng lao động ở khu vực nông - lâm - ngư nghiệp.

**B.** giảm tỉ trọng lao động khu vực dịch vụ và công nghiệp.

**C.** giảm tỉ trọng lao động ở khu vực công nghiệp - xây dựng.

**D.** giảm tỉ trọng lao động trong khụ vực dịch vụ .

**Câu 22: Nguyên nhân nào giúp diện tích gieo trồng lúa của nước ta tăng trong thời gian qua?**

**A.** Thực hiện tốt công tác thuỷ lợi. **B.** Thâm canh tăng vụ.

**C.** Áp dụng khoa học - kĩ thuật. **D.** Khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 23: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết thành phố nào sau đây có quy mô dân số dưới 1 000 000 người?**

**A.** TP. Hồ Chí Minh. **B.** Hà Nội. **C.** Biên Hòa. **D.** Hải Phòng.

**Câu 24: Cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở**

**A.** giá trị sản xuất của từng ngành trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp.

**B.** tỉ trọng giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp khai thác trong hệ thống các ngành công nghiệp.

**C.** tỉ trọng giá trị sản xuất của từng ngành trong hệ thống các ngành công nghiệp.

**D.** tỉ trọng giá trị sản xuất cùa các ngành công nghiệp chế biến trong hệ thống các ngành công nghiệp.

**Câu 25: Nơi có mức độ tập trung công nghiệp vào loại *cao nhất* cả nước là**

**A.** Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.

**B.** dọc theo duyên hải miền Trung.

**C.** đồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Đông Nam Bộ và Nam Bộ.

**Câu 26: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất cả nước là**

**A.** Nghệ An. **B.** Yên Bái. **C.** Lạng Sơn. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 27: Trong cơ cấu giá trị ngành trồng trọt, loại cây trồng nào sau đây có tỉ trọng tăng?**

**A.** Cây thực phẩm, cây rau đậu **B.** Cây công nghiệp, cây rau đậu.

**C.** Cây ăn quả. **D.** Cây lương thực.

**Câu 28: Quá trình đô thị hóa ở nước ta có đặc điểm là**

**A.** tốc độ nhanh hơn quá trình đô thị hoá của thế giới.

**B.** tốc độ đô thị hóa chậm, trình độ đô thị hóa còn thấp.

**C.** tốc độ khá nhanh và trình độ đô thị hóa cao.

**D.** tốc độ nhanh tuy nhiên quá trình đô thị hóa còn thấp.

**Câu 29: Khu vực có tỉ trọng giảm liên tục trong cơ cấu sử dụng lao động của nước ta là**

**A.** nông - lâm - ngư nghiệp. **B.** xây dựng

**C.** dịch vụ. **D.** công nghiệp.

**Câu 30: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết Tây Nguyên *không* có nhà mày thủy điện nào?**

**A.** Đrây Hlinh. **B.** Xê Xan. **C.** Yaly. **D.** Thác Mơ.

**Câu 31: Căn cứ vào Atlat Địa lí VN trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây dẫn đầu cả nước về thuỷ sản khai thác?**

**A.** An Giang. **B.** Phú Yên. **C.** Bình Định. **D.** Kiên Giang.

**Câu 32: Nhận định nàosau đây *đúng* với nguồn lao động nước ta hiện nay?**

**A.** Chất lượng nguồn lao động chưa được nâng cao.

**B.** Cán bộ quản lí và công nhân lành nghề nhiều.

**C.** Nguồn lao động trẻ, cần cù, sáng tạo, ham học hỏi.

**D.** Lao động có trình độ cao tập trung ở miền núi.

**Câu 33: Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản thường được phân bố ở những nơi có**

**A.** mạng lưới giao thông vận tải phát triển.

**B.** cơ sở vật chất - kĩ thuật tốt nhất.

**C.** nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

**D.** vị trí nằm gần các trung tâm công nghiệp lớn.

**Câu 34: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây thuộc loại 2**

**A.** Huế, Nha Trang. **B.** Long Xuyên, Đà Lạt.

**C.** Thái Nguyên, Nam Định. **D.** Vũng Tàu, Pleiku.

**Câu 35: Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế, vùng nông nghiệp mạnh *nhất* nước ta là**

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 36: Dân số nước ta đông và tăng nhanh có thuận lợi gì cho phát triển kinh tế - xã hội ?**

**A.** Thuận lợi cho phát triển kinh tế. **B.** Dễ phát triển giáo dục.

**C.** Nâng cao đời sống nhân dân. **D.** Nguồn lao động dồi dào.

**Câu 37: Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế, vùng chiếm hơn 50% *(lớn nhất)* giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta là**

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 38: Cho bảng số liệu:**

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ

NƯỚC TA GIAI ĐOẠN: 2000 - 2005

*(Đơn vị : %)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2002** | **2003** | **2004** | **2005** |
| Nông - lâm - ngư nghiệp | 65,1 | 61,9 | 60,3 | 58,8 | 57,3 |
| Công nghiệp - xây dựng | 13,1 | 15,4 | 16,5 | 17,3 | 18,2 |
| Dịch vụ | 21,8 | 22,7 | 23,2 | 23,9 | 24,5 |

Để thể hiện cơ ***cấu lao*** động có việc làm phân theo khu vực kinh tế nước ta, dạng biểu đồ thích hợp nhất là

**A.** đường. **B.** miền. **C.** kết hợp. **D.** tròn.

**Câu 39: Sự chuyển dịch trong nội bộ ngành ở khu vực I (nông - lâm - ngư nghiệp) của nước ta là**

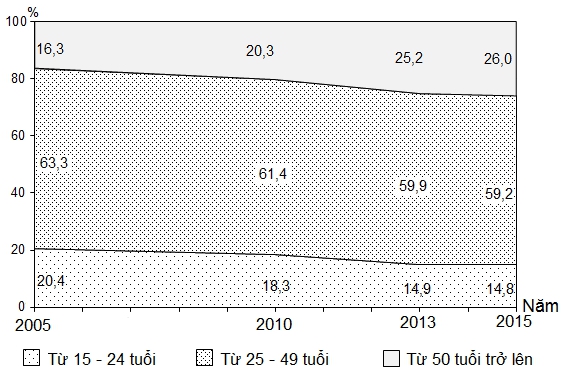
**A.** tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

**B.** tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp tăng trong cơ cấu giá trị nông nghiệp.

**C.** giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng chăn nuôi và thủy sản.

**D.** tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.

**Câu 40: Cho biểu đồ:**



CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO NHÓM TUỔI

Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2015

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây ***không đúng*** về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi ở nước ta, giai đoạn 2005 - 2015?

**A.** Từ 25-49 tuổi có tỉ trọng tăng, từ 50 tuổi trở lên giảm.

**B.** Từ 50 tuổi trở lên có tỉ trọng tăng, từ 25-49 tuổi giảm.

**C.** Từ 25-49 tuổi có tỉ trọng giảm, từ 15-24 tuổi giảm.

**D.** Từ 15 -24 tuổi có tỉ trọng giảm, từ 50 tuổi trở lên tăng.

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | C | 6 | D | 11 | A | 16 | A | 21 | A | 26 | A | 31 | D | 36 | D |
| 2 | D | 7 | B | 12 | A | 17 | B | 22 | D | 27 | B | 32 | C | 37 | A |
| 3 | A | 8 | C | 13 | B | 18 | D | 23 | C | 28 | B | 33 | C | 38 | B |
| 4 | D | 9 | A | 14 | A | 19 | B | 24 | C | 29 | A | 34 | C | 39 | C |
| 5 | D | 10 | A | 15 | C | 20 | B | 25 | A | 30 | D | 35 | C | 40 | A |